**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 11: Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 23/11/2024**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | **Tiết** | **Tên bài dạy** |
| **Hai** | Sáng  **(18/11)** | SHĐ-HĐTN  Tiếng Việt  Tiếng Việt  TN&XH | 31  121  122  21 | SH dưới cờ: Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam  Bài 52. um, up (Tiết 1)  Bài 52. um, up (Tiết 2)  Nơi em sống ( tiết 3) |
| Chiều | Toán  Đạo đức  GDTC | 31  11  21 | Phép trừ trong phạm vi 6 (tiết 1)  Chăm sóc bản thân khi bị ốm (tiết 2)  - Ôn các tư thế vận động cơ bản đã học  -Học tư thế vận động của chân  - Trò chơi: “Mèo đuổi chuột” |
| **Ba** | Sáng  **(19/11)** | Tiếng Việt Tiếng Việt  Toán  HĐTN | 123  124  32  32 | Bài 53. uôm (Tiết 1)  Bài 53. uôm (Tiết 2)  Phép trừ trong phạm vi 6 (tiết 2)  HĐGD theo chủ đề: Giờ học, giờ chơi |
| **Năm** | Sáng  **(21/11)** | Tiếng Việt Tiếng Việt  Tiếng Việt  Mĩ thuật | 125  126  127  11 | Tập viết (Sau bài 52, 53)  Bài 54. ươm, ươp (Tiết 1)  Bài 54. ươm, ươp (Tiết 2)  Bài 6: Bàn tay kì diệu (Tiết 1) |
| **Sáu** | Sáng  **(22/11)** | Tiếng Việt Tiếng Việt  Toán  TN&XH  Tiếng Việt | 128  129  33  32  130 | Bài 55. an, at (Tiết 1)  Bài 55. an, at (Tiết 2)  Luyện tập  Thực hành: Quan sát cuộc sống xung quanh trường (tiết 1)  Tập viết (Sau bài 54, 55) |
| **Bảy** | Sáng  **(23/11)** | Tiếng Việt  Tiếng Việt  HĐTN  Âm nhạc  GDTC | 131  132  33  11  22 | Bài 56. Kể chuyện Sói và Sóc  Bài 57. Ôn tập  SHL:Sáng tạo theo chủ đề *Thầy cô của em* + TLHĐ: Chủ đề 3: Không muốn đi học  Chủ đề: Hòa bình (tiết 2)  - Ôn các tư thế vận động của chân  - Trò chơi: “Mèo đuổi chuột” |

***Hòa Quang Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2024***

Giáo viên

A close-up of a signature

Description automatically generated

Ngô Thị Điệp

**Hoạt động trải nghiệm – Lớp 1**

**Tên bài học TUẦN 11: GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ :**

**HỘI DIỄN VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG VIỆT NAM 20 – 11 - Số tiết : 31**

**Thời gian thực hiện: Ngày 18 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- HS tham gia các tiết mục văn nghệ trong ngày hội diễn một cách vui vẻ, tự giác.

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Phẩm chất:**

- **Nhân ái:** yêu con người, yêu cái đẹp, cái thiện, kính trọng, lễ phép với thầy, cô giáo.

- **Trách nhiệm:** Tự tin khi tham gia hoạt động.

**b. Năng lực chung:**

- **Tự chủ, tự học:** Nhận biết được những tấm gương nhi đồng chăm ngoan, biết đánh giá kết quả hoạt động.

**c. Năng lực đặc thù:**

- **Năng lực thích ứng với cuộc sống:** Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.

- **Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:** HS tích cực tham gia vào hoạt động nhóm.

**2. Đồ dùng dạy học:**

**a.Đối với nhà trường :**

* Phân công trang trí phông, chuẩn bị hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động.
* Phần thưởng tôn vinh những GV có thành tích xuất sắc.
* Gửi giấy mời đến các đại biểu, các cựu GV của trường; đón tiếp đại biểu.
* Bàn ghế cho đại biểu ngồi dự lễ.

**b.Đối với GV :**

* GV TPT và Tổ Âm nhạc chuẩn bị chương trình văn nghệ chào mừng gồm các bài hát có chủ để thầy cô, mái trường.
* Phát động các lớp sáng tạo những sản phẩm như báo tường, thiệp, gấp, vẽ, xé dán, làm đồ thủ công, sáng tác nhạc, truyện vui để tạo “Góc tri ân”.

- GV phụ trách chọn hai HS đại diện toàn trường chúc mừng thầy, cô giáo.

- Đội nghi lễ đón chào đại biểu, trống chào mừng.

**3.Đối với GVCN và HS:**

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ theo sự phân công của nhà trường

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu :**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Hội diễn văn nghệ chào mừng Việt Nam 20-11”(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: Em yêu trường em  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ.  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “ Hội diễn văn nghệ chào mừng Việt Nam 20-11”**  - Nhà trường tổ chức hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 theo kế hoạch.  - Đại diện các lớp biểu diễn các tiết mục đã chuẩn bị.  - HS theo dõi chương trình hội diễn  **3. Củng cố và nối tiếp**  - GV TPT Đội nêu ý nghĩa của HĐ và nhắc nhở chuẩn bị cho hoạt động sinh họạt dưới cờ tuần sau. | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS chú ý lắng nghe và cùng thực hiện. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy : Không**

**Tiếng Việt; Lớp: 1**

**Tên bài:** **um up Số tiết: 121+122**

**Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

-Nhận biết các vần **um, up;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **um, up.**

-Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **um,** vần **up.**

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bà và Hà.*

-Viết đúng các vần **um, up** và các tiếng **chum, búp** (bê) (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

**Giáo viên**: - 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.

**Học sinh:** -Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| 1. **Khởi động: (3 phút)**   -Ổn định: Hát  -Giới thiệu bài:GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Hình thành kiến thức mới (12 phút)** |  |
| **\*Hoạt động : Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  1.1.Dạy vần **um**  -HS đọc từng chữ **u, m,** vần **um.**  -Phân tích vần **um.**  -Đánh vần: **u - mờ - um /um.**  -HS nói: chum. / Phân tích tiếng **chum.**  -Đánh vần: **chờ - um - chum / chum.**  -Đánh vần, đọc trơn lại: **u - mờ - um / chờ - um - chum / chum.**  1.2.Dạy vần **up** (như vần **um)**  -Đánh vần, đọc trơn: **u - pờ - up / bờ - up - bup - sắc - búp / búp bê.**  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **um, up,** 2 tiếng mới học: **chum, búp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập, thực hành (20 phút)** |  |
| **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **um?** Tiếng nào có vần **up?)**  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ dưới hình: *chùm nho, cúp, tôm hùm,...*  - GV giải nghĩa: *cúp* (đồ mĩ nghệ, dùng làm giải thưởng trong thi đấu thế thao); *mũm mĩm* (béo và tròn trĩnh, trông thích mắt).  - HS tìm tiếng có vần **um,** vần **up,** nói kết quả.  - GV chỉ từng từ , Cả lớp: Tiếng **chùm** (nho) có vần **um.** Tiếng **cúp** có vần **up,...**  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **um** (chụm, cúm, khum, trùm, xúm,...); vần **up** (chụp, đúp, húp, núp,...).  **3.2**.**Tập viết** (bảng con - BT 4)  a)Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng: **um, up, chum, búp bê.**  b)Viết vần: **um, up**  -GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ (2 li), nối nét giữa **u** và **m. /** Làm tương tự với van **up (p** cao 4 li).  -HS viết: **um, up** (2 lần)  c)Viết: **chum, búp** (bê) (tương tự như b)  -GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ch** trước **(h** cao 5 li), vần **um** sau. / Viết chữ **b** (cao 5 li), van up sau, dấu sắc đặt trên u.  -HS viết: **chum, búp bê**  -GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS nói thêm  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con    -HS viết: **chum, búp** (bê). |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3) (30 phút)  a)GV giới thiệu bài *Bà và Hà* kể về bạn Hà chăm chỉ giúp bà làm nhiều việc.  b)GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: *Bà nói: “Hà của bà ngộ quá! Em hiểu “ngộ quá ” là thế nào?*  c)Luyện đọc từ ngữ:  d)GV giải nghĩa: *tủm tỉm* (cười không mở miệng, chỉ cử động đôi môi một cách kín đáo).  e)Luyện đọc câu: GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  -Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp).    -HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **um:** *um tùm, tủm* (tỉm); **up:** *giúp, búp* (bê).  g)Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình đã hướng dẫn),  i) Tìm hiểu bài đọc  -GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho cả lớp đọc.  -HS làm bài trên VBT. /1 HS nói kết quả (GV giúp HS ghép từ ngữ trên bảng lớp). / Cả lớp đọc lại: a - 2) *Hà chăm chỉ giúp bà. /* b - 1) *Bà ngắm Hà, tủm tỉm.*  - GV: *Những việc làm nào của Hà cho thấy Hà rất chăm chỉ?*  - GV: Qua bài đọc, em thấy bạn Hà có đức tính gì đáng quý? | -HS lắng nghe  -Nom Hà rất hay, ngộ nghĩnh và đáng yêu.  - Hs luyện đọc **chăm chỉ, giúp, xếp đồ, um tùm, chữa mũ, búp bê, ngắm, chăm chú, tủm tỉm, ngộ quá**  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  - Hà giúp bà xếp đồ ở tủ, nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ, giúp bà xâu kim.  - Hà chăm chỉ, ngoan ngoãn giúp bà làm nhiều việc trong nhà để bà đỡ vất vả. |
| **4.Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  **-**HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  **-**GV dặn HS về nhà xem trước bài 53 (uôm). |  |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Tự nhiên và xã hội – Lớp 1**

**Tên bài học : BÀI 6: NƠI EM SỐNG ( Tiết 3) Số tiết : 21**

**Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt**

**a. Năng lực đặc thù**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố và hoạt động của người dân nơi học sinh đang sống.

- Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Biết cách quan sát và cách đặt câu hỏi khi quan sát các hình trong bài học để phát hiện ra cảnh quan tự nhiên , vị trí của một số nơi quan trọng ở cộng đồng .

- Sử dụng được những từ phù hợp để mô tả nội dung của các hình trong bài học , qua đó nhận biết được các hoạt động sinh sống của người dân trong cộng đồng .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Nêu và thực hiện được một số việc học sinh có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương

- Bày tỏ được sự gắn bó tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.

**b**. **Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Bày tỏ sự gắn bó, tình cảm với nơi mình ở.

**-** Giao tiếp, hợp tác: Bước đầu sử dụng ngôn ngữ của bản thân, cử chỉ để trình bày thông tin nơi em sinh sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề và giải quyết được vấn đề.

**c. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: tích cực tham gia các hoạt động trong tiết học

- Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một các trung thực

**-** Yêu nước: yêu làng xóm, đường phố nơi em sinh sống.

**2. Đồ dùng dạy học**

**a. Giáo viên**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

- Video clip bài hát Quê hương tươi đẹp ( dân ca Nùng ) .

- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về quang cảnh và hoạt động của người dân ở nơi sống của mình .

**b. Học sinh**

- SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

**Tiết 3**

**Con người nơi em sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  - ổn định  - Giới thiệu bài mới | | - Hát  - Lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **3. Luyện tập, thực hành ( 15 phút)**  **Hoạt động 5: Tìm hiểu về công việc của người dân và đóng góp của công việc đó cho cộng đồng nơi em sống**  \* Mục tiêu  - Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội .  - Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng , xã hội đều đáng quý . | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm*  - GV yêu cầu HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi trang 48 ( SGK ) .  ( 1 ) Nói tên công việc của những người trong các hình .  ( 2 ) Công việc của họ có đóng góp gì cho cộng đồng ?  ( 3 ) Hãy nói về công việc của những người trong gia đình và công việc của những người xung quanh em .  -GV theo dõi HD HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV kết luận: Tất cả mọi công việc đem lại lợi ích cho cộng đồng đều quan trọng và đáng quý. Những người làm bác sĩ, làm công an hay thu gom rác hoặc bán hàng, làm GV hay nhân viên bảo vệ, ... đều là những người hỗ trợ , giúp đỡ cộng đồng nơi chúng ta sống để làm cho cuộc sống của chúng ta được khoẻ mạnh, an toàn, tiện lợi, sạch sẽ, vệ sinh và tốt đẹp hơn .  - Yêu cầu HS đọc lời nói của con ong trang 48 ( SGK ) | | - HS quan sát các hình ở trang 48 (SGK)trong SGK và thực tế trả lời các câu hỏi  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.    - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  + Thầy ( hoặc cô giáo ) của em và những cán bộ công nhân viên trong trường giúp đỡ em trong học tập và các hoạt động khác ở trường ,  + Có ( hoặc chú ) bác sĩ khám và chữa bệnh cho em khi em bị ốm .  + Cô ( hoặc chủ ) công an bắt kẻ trộm và bảo vệ chúng ta .  + Những người bán hàng , bán cho chúng ta những thứ mà chúng ta cần .  + Những người thợ xây , xây nhà cho chúng ta ở .  + Những cô , chú công nhân dọn vệ sinh môi trường giúp cho đường phố luôn sach se .  + Những người nông dân trồng trọt , chăn nuôi cung cấp lương thực cho chúng ta .  - HS lắng nghe.  -HS đọc |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm (15 phút)**  ***Hoạt động 6 : Việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình***  \* Mục tiêu  Nêu và thực hiện được một số việc HS thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1: Làm việc theo cặp*  GV yêu cầu HS quan sát hình trang 49 và trả lời câu hỏi trong SGK: Các bạn trong hình đã làm gì để đóng góp cho cộng đồng ?  -GV theo dõi HD HS  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .  *Bước 3: Làm việc cá nhân* .  - GV yêu cầu HS nghĩ ra ba việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình và viết vào “ Bản cam kết ” theo mẫu ( Xem Phụ lục 3 ) .  -GV cùng HS tham gia nhận xét | -HS từng cặp 2 em thảo luận chia sẻ, thống nhất  -HS trình bày  -HS tham gia nhận xét  -HS thực hiện, HS sử dụng bút màu để trang trí bản cam kết của mình  - HS đem trưng bày bản cam kết của mình trước lớp . | |
| **5. Củng cố và nối tiếp.( 2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe | |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Môn Toán –Lớp 1**

**Bài:**  **PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (Tiết 1) Số tiết: 31**

**Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 11 năm 2024**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**2. Đồ dùng dạy học:**

a. GV: Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

b.HS:Vở bài tập , Một số tình huống đơn giản lên quan tới phép trừ trong phạm vi 6.

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động: 5 phút**  Cho HS quan sát các tình huống thi nói nhanh những điều quan sát được |  |
|  | *Quan sát* bức tranh và lần lượt xung phong trả lời nhanh: Còn 3 cái bánh; Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn;  Còn lại 2 cốc chưa uống. |
| + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh?  + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn? |  |
|  |  |
| - Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống. |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới :15 phút**  **HĐ 1 .GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:** | -HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức. |
| Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ 6 - 4. | HS nói: Có 6 con chim - Lấy ra 6 chấm tròn.  Có 4 con bay đi - Lấy đi 4 chấm tròn.  HS nói: 6 - 4 = 2. |
| HĐ2. Cho HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ 5 - 3 = 2. | -HS thực hiện |
| HĐ 3.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...* |  |
| HĐ 4.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một sổ tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quà vào thanh gài. | - HS đặt phép trừ tương ứng. |
| - Cho HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép trà (làm theo nhóm bàn). | - HS thực hiện |
| ***Lưu ý:*** Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hồ trợ các em tính ra kết quả. Tuỳ theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thê khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: 7 phút**  **Bài 1**  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS cỏ thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). | -Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp. |
| **4.Vận dụng: 5 phút**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | -HS trình bày |
| **5.Củng cố và nối tiếp: 3 phút**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? | -HS trả lời |
| - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | -HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

|  |
| --- |
| **Đạo đức -Lớp: 1**  **CHỦ ĐỀ: SINH HOẠT NỀN NẾP**  **Tên bài học: BÀI 5. CHĂM SÓC BẢN THÂN KHI BỊ ỐM (tiết 2) -Số tiết: 11**  **Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 11 năm 2024** |

**1. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài nay, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

* Nhận biết được các biểu hiện của cơ thể khi bị ốm.
* Nêu được vì sao cần tự chăm sóc bản thân khi bị ốm.
* Tự làm được những việc làm vừa sức để chăm sóc bản thân khi bị ốm.

**2. Đồ dùng dạy học:**

* GV: Clip “Bạn Na bị ốm” (nếu có điều kiện).
* Khăn bông, chậu, nước ấm để thực hành chườm khi bị sốt.
* **HS: -**SGK *Đạo đức 1.*

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động (2 phút)**  **2/ Luyện tập, thực hành (20 phút)**  **Hoạt động 1: Đóng vai xử lí tình huống**  ***Mục tiêu:***   * HS biết lựa chọn và thực hiện cách ứng xử phù họp khi bị ốm.   **HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề và giao tiếp.**  ***Cách tiến hành:***  -GV yêu cầu HS xem các tranh ở trang 27, 28 SGK *Đạo đức 1* và nêu tình huống xảy ra trong mỗi tranh.   * GV giới thiệu rõ nội dung ba tình huống và giao nhiệm vụ cho HS thảo luận theo nhóm để tìm cách ứng xử phù hợp trong mồi tình huống và đóng vai thể hiện. * Với mỗi tình huống, GV mời một vài nhóm HS lên đóng vai. * Thảo luận sau mỗi tình huống đóng vai:  1. Em thích cách ứng xử của nhóm nào? Vì sao? 2. Em có cách ứng xử nào khác trong tình huống đó không? Cách ứng xử đỏ là như thế nào?  * GV tổng kết các ý kiến và kết luận:   + **Hoạt động 2: Tự liên hệ**   * ***Mục tiêu:*** HS biết tự đánh giá việc tự chăm sóc khi bị ốm của mình.   ***Cách tiến hành:***   * GV yêu cầu HS tự liên hệ và chia sẻ theo nhóm đôi:  1. Em đã biết tự chăm sóc bản thân khi bị ốm chưa? 2. Em đã tự chăm sóc bản thân như thế nào?  * GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp. * GV khen nhũng HS đã biết tự chăm sóc bản thân khi bị ốm và động viên các em tiếp tục phát huy.   **3.Vận dụng, trải nghiệm (10 phút)**  ***Vận dụng trong giờ học:*** GV tô chức cho HS thực hành chườm khăn ấm vào trán theo cặp hoặc theo nhóm.  ***Vận dụng sau giờ học:*** GV nhắc HS:  + Ghi và thuộc lòng số điện thoại của bố mẹ, thầy cô giáo để liên lạc khi bị ốm.  + Nghỉ ngơi, uống thuốc, điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ và cha mẹ khi ốm, mệt.  **4.Củng cố, nối tiếp (3 phút)**  Tổng kết bài học   * GV gọi 1-2 HS trả lời câu hỏi: Em rút ra được điều gì sau bài học này? * GV hướng dẫn HS đọc lời khuyên trong SGK *Đạo đức 1*   GV nhận xét, đánh giá sự tham gia học tập của HS trong giờ học, tuyên dương những HS, nhóm HS học tập tích cực |  |
| -HS quan sát tranh, nêu tình huống  -HS thảo luận theo nhóm, chia sê cách ứng xử phù hợp  -HS đóng vai  -Thảo luận |
| -HS liên hệ chia sẻ theo nhóm  -HS chia sẻ trước lớp  -HS tham gia nhận xét |
| -HS vận dụng, thực hành |
| -HS lắng nghe, ghi nhớ |
| -HS trả lời |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**: **Không**

**Giáo dục thể chất – Lớp 1**

**Tên bài học: BÀI 21**: **ÔN CÁC TƯ THẾ VẬN ĐỘNG CƠ BẢN ĐÃ HỌC**

**- HỌC TƯ THẾ VẬN ĐỘNG CỦA CHÂN**

**- TRÒ CHƠI: “MÈO ĐUỔI CHUỘT”**

**- Số tiết: 21**

**Thời gian thực hiện: Ngày 18 tháng 11 năm 2024**

I.**Yêu cầu cần đạt:**

-Biết thực hiện vệ sinh sân tập, chuẩn bị dụng cụ trong tập luyện.

- Thực hiện được các tư thế vận động cơ bản đã học

- Thực hiện được tư thế vận động của chân.

-Biết quan sát tranh ảnh và động tác mẫu của GV để tập luyện.

.-Tích cực tham gia tập luyện

**II. Địa điểm – phương tiện**

**- Địa điểm**: Sân trường TH Hòa Quang Nam

**- Phương tiện:** GV và HS chuẩn bị trang phục thể thao, tranh ảnh minh họa bài học, một số dụng cụ phục vụ trò chơi.

**III. Nội dung và phương pháp tổ chức giờ học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “đúng ngồi theo lệnh”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**  - Ôn tư thế tay chếch sau, tay đưa ra trước.  - Ôn tư thế tay dang ngang, tay chếch cao  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi “ mèo đuổi chuột”  **Hoạt động 2**  - Tư thế đứng kiễng gót hai tay chống hông.  đứng kiễng gót hai tay chống hông  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  **Hoạt động 3**  \***Kiến thức**  Tư thế đứng đưa một chân ra trước, hai tay chống hông.  đưa một chân ra trước hai tay chống hông  \***Luyện tập**  **Hoạt động 4**  \***Kiến thức**  Tư thế đứng đưa một chân sang ngang, hai tay chống hông.  đưa một chân sang ngang hai tay chống hông  \***Luyện tập**  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’    2 x 8 N  16-18’  2 lần  4 lần  4 lần  1 lần  4-5l  4-5l  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  GV cho HS ôn tập  GV cho HS ôn tập  GV hướng dẫn cách chơi và luật chơi  Gv cho hs quan sát tranh.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y/c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 2  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 2  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn các động tác đã học và chuẩn bị bài sau. | | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  HS khởi động  HS chơi trò chơi  HS ôn tập  - Đội hình hàng ngang  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  - ĐH tập luyện theo tổ  - ĐH tập luyện theo cặp đôi  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  -HS chơi trò chơi.  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ĐH tập luyện theo tổ      -ĐH tập luyện theo cặp đôi      - Từng tổ lên thi đua    HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy : Không**

**Môn học: Tiếng Việt; Lớp: 1**

**Tên bài:**  **uôm Số tiết: 123+124**

**Thời gian thực hiện: ngày 19 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

* Nhận biết vần **uôm;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Phố Thợ Nhuộm.*
* Viết đúng các vần **uôm** và các tiểng **buồm,** (quả) **muỗm** (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

**Giáo viên**:

- 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.

**Học sinh:**

-VBT Tiếng Việt 1, tập một

- Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Tiết 1** | | |
| **1.Khởi động: (3 phút)**  - Ổn định: Hát  - Giới thiệu bài:GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)** |  | |
| **\*Hoạt động : Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  - HS nhận biết: **uô, m;** đọc: **uôm.**  - Phân tích vần **uôm.**  - Đánh vần: **uô - mờ - uôm** */* **uôm.**  - HS nói: *buồm.* / Phân tích tiếng **buồm.**  **-** Đánh vần: bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  -Đánh vần, đọc trơn: uô - mờ - uôm / bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  \* Củng cố: HS nói vần mới học: **uôm,** tiếng mới học: **buồm.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói | |
| **3. Luyện tập, thực hành (20 phút)** |  | |
| **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôm?** Tiếng nào có vần **um?)**  - GV chỉ từng từ.  - Giải nghĩa: *quả muỗm* (quả giống xoài nhưng nhỏ hơn, có vị chua); *sum họp* (tụ họp ở một chỗ một cách vui vẻ); *um tùm* (cây cối rậm rạp, dày đặc - *cây cối um tùm* trái nghĩa với *thưa thớt), nhuộm* (làm cho màu thấm đều vào vải và được giữ lại).  - HS tìm tiếng có vần *uôm,* vần *um.* GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng (quả) **muỗm** có vần **uôm...** Tiếng **sum** có vần **um,...**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **uôm.**  **3.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)  -HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: *uôm, buồm, quả muỗm.*  -1 HS đọc, nói cách viết vần **uôm.**  HS viết bảng con vần: *uôm (2* lần).  -1 HS đọc, nói cách viết chữ ghi tiếng: **buồm** (viết **b** trước - cao 5 li, vần **uôm** sau, dấu huyền đặt trên **ô) / muỗm** (viết **m** trước, vần **uôm** sau, dấu ngã đặt trên **ô).**  -GV vừa viết vần **uôm** vừa hướng dẫn: viết **uô** trước, viết **m** sau; các con chữ đều cao 2 li.  - HS viết ở bảng con  - GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết bảng con  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3) (30 phút)  a)GV chỉ hình minh hoạ,hỏi : Các em biết đây là cảnh ở đâu?  **-** GV: Phố này là phố Thợ Nhuộm, phố Thợ Nhuộm ở đâu, quang cảnh ở phố như thế nào. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **Thợ nhuộm, nghề nhuộm, xưa kia, tấp nập, sẽ.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 9 câu.  - GV chỉ từng câu, yêu cầu HS đọc vỡ. Chỉ liền 2 câu: “A, ca sĩ ... mê li lắm”. / —Quạ há to mỏ: Quà, quà...”  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (vài lượt).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - HS làm bài trong VBT. 1 HS làm bài nối ghép trên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp đọc: a - 2) *Ở Thủ đô có phố Thợ Nhuộm..* b - 1) *Phố tấp nập và đẹp lắm* | | -Hình ảnh một con phố  -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc  -HS đọc  -HS đọc nối tiếp câu  -Thi đọc  -HS lắng nghe  -HS làm vào vở BT |
| **4**.**Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  -HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - GV dặn HS về nhà xem trước bài 54 (ươm, ươp). | |  |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy:** **Không**

**Môn: Toán-Lớp 1**

**TÊN BÀI: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (Tiết 2) Số tiết: 32**

**Thời gian thực hiện : ngày 19 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**2. Đồ dùng dạy học:**

a. GV:Các que tính, các chấm tròn.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

b.HS: bảng con, vở bài tâp, một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Hoạt động khởi động:5 phút**  Cho lớp hát | HS hát |
| **2.Hình thành kiến thức mới: 22 phút**  Hướng dẫn học sinh làm bài tập |  |
| **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thê dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). | -HS làm bài cá nhân vào vở |
| Bài 3 |  |
| - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | - HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lóp. |
| *Ví dụ:* Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là: 3 - 1 = 2. | -HS làm tương tự với các trường hợp còn lại. |
| - GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện. |  |
| **3.Vận dụng: 5 phút**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | -HS trình bày |
| **4.Củng cố và nối tiếp: 3 phút**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? | -HS trả lời |
| - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.Chuẩn bị bài sau :luyện tập |  |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Hoạt động trải nghiệm – Lớp 1**

**Tên bài học HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI - Số tiết : 32**

**Thời gian thực hiện: Ngày 19 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện những việc làm đó.

- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ**.**

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Phẩm chất:**

**- *Trách nhiệm:*** Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường về những điều nên làm trong giờ học, giờ chơi.

**b. Năng lực chung:**

- ***Giao tiếp và hợp tác:*** Bước đầu rèn kĩ năng thuyết phục bạn từ bỏ ý định thực hiện những việc không nên làm trong giờ học, giờ chơi.

b. **Năng lực đặc thù:**

- ***Năng lực thích ứng với cuộc sống:***

+ Nêu được những việc nên và không nên làm trong giờ học, giờ chơi.

+ HS có kĩ năng kiên định, từ chối thực hiện những việc không nên làm trong giờ học và giờ chơi.

\*Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh: Nhận biết được những việc nên làm vào giờ ra chơi và thực hiện được những việc đó.

**2. Đồ dùng dạy học**

**a. Giáo viên:**

- SGK – VBT Hoạt động trải nghiệm.

- Tranh ảnh minh hoạ cho bài học m.

**b. Học sinh:**

- SGK – VBT Hoạt động trải nghiệm

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới (10 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện những việc làm đó.  - Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ**.** | |
| **Hoạt động 1. Đóng vai** | |
| ***\* Mục tiêu:*** HS tham gia vào một tình huống giả định để rèn kĩ năng ứng xử phù hợp trong giờ học, giờ chơi từ đó nhận biết được những việc nên làm vào giờ học và giờ chơi. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  - GV nêu yêu cầu: Chia lớp thành các nhóm 4 HS. Mỗi nhóm sẽ quan sát tranh một tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí phù hợp.  - GV tổ chức cho HS quan sát tranh và nêu nội dung tình huống. | - Chia lớp theo nhóm bàn.  - Theo dõi, quan sát |
| *Tình huống 1:* Mẹ mua cho Tú một quả bóng rất đẹp. Tú mang quả bóng đến lớp và say sưa ngắm khi các bạn đang thảo luận nhóm trong giờ học Tự nhiên và Xã hội. Nếu em nhìn thấy Tú ngắm quả bóng trong giờ học, em sẽ ứng xử như thế nào? |  |
| *Tình huống 2:* Nam cùng các bạn đang chơi tung bóng rất vui thì tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi kết thúc. Nam rất tiếc nên rủ các bạn chơi thêm một lúc nữa rồi mới vào lớp. Nếu em là bạn của Nam, em sẽ ứng xử như thế nào |  |
| - HS thảo luận tình huống và tham gia đóng vai theo nhóm.  - Cho một số nhóm đóng vai trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét | - Các nhóm thảo luận đưa ra cách giải quyết tình huống, phân vai, chọn lời thoại, đóng vai trong nhóm.  - Lần lượt các nhóm lên đóng vai, xử lí tình huống.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| ***\*GV kết luận.***  - Các em cần thực hiện học tập và vui chơi điều độ, đúng giờ và đúng lúc để đảm bảo sức khoẻ và mang lại kết quả học tập tốt hơn.  \*Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh: Nhận biết được những việc nên làm vào giờ ra chơi và thực hiện được những việc đó. |  |
| **3. Ứng dụng, thực hành ( 20 phút)** | |
| ***\* Kết luận:***  - Trong giờ học, em cần hăng hái phát biểu, tham gia xây dựng bài; cùng hợp tác với các bạn trong các hoạt động nhóm, giúp đỡ bạn học tập để cùng tiến bộ. Những lúc nghỉ, em nên tham gia các hoạt động ngoài trời để cùng các bạn và người thân rèn luyện sức khoẻ. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **Hoạt động 3. Trò chơi “Giờ nào, việc nấy”** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS được trải nghiệm cảm xúc cá nhân khi tham gia trò chơi; diễn tả các hành động, việc làm phù hợp với từng khoảng thời gian nhất định trong ngày | |
| ***\* Cách tiến hành***  - GV cho HS đứng thành vòng tròn, GV đứng giữa làm quản trò.  - GV hướng dẫn cách chơi:  + GV gọi 2 đến 3 HS cùng đứng vào giữa vòng tròn. Khi GV hồ thời gian (ví dụ: 16 giờ sáng, 8 giờ tối), HS làm các động tác tương ứng thể hiện việc mình làm vào thời gian đó. Các HS khác sẽ đoán xem vào thời gian đó, bạn mình đã làm việc gì. GV phỏng vấn nhanh các bạn tham gia trò chơi về thói quen học tập, sinh hoạt hàng ngày của mình. Ví dụ: Sau giờ học, bạn thường làm gì bạn có thích xem ti vi không? Bạn thường xem ti vi vào khoảng thời gian nào?  - Cho HS chơi thử với sự hướng dẫn của GV, sau đó có thể chia thành các nhóm nhỏ và chơi theo nhóm nhỏ: Chia lớp thành 6 đội chơi. 1 bạn làm quản trò, bạn này sẽ nêu các thời gian khác nhau trong ngày, ví dụ: 6 giờ 30 phút sáng, 12 giờ trưa, tất cả thành viên trong các đội phải diễn tả hành động, việc mình sẽ làm vào thời gian đó. | - HS tập hợp thành vòng tròn.  - Lắng nghe và làm theo.  - Chơi thử 1 lần |
| Lưu ý: GV có thể tổ chức cách khác: chia lớp thành các cặp đội chơi, một đội sẽ nêu thời gian, đội kia diễn tả hành động, việc làm tương ứng của mình, sau đó thay đổi ngược lại. Hoặc tổ chức trong lớp học, yêu cầu các HS đứng lên và GV làm quản trò.  - Cho HS chơi trò chơi. | - HS tham gia trò chơi. |
| *\* Kết luận:*  - Mỗi bạn sẽ có những sở thích, thói quen vui chơi, thư giãn khác nhau: phải làm những việc nhà khác nhau. Các em chú ý sắp xếp các hoạt động đó với việc học tập. vào những thời gian phù hợp. | - Lắng nghe. |
| Lưu ý: Tuỳ đối tượng HS và thời gian tổ chức hoạt động mà GV có thể linh. hoạt chọn hoạt động 2 hoặc hoạt động 3 hoặc cả hai hoạt động 2 và 3 để tổ chức cho HS tham gia trải nghiệm. |  |
| **4. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những viêc nên làm vào giờ học, vào giờ chơi. | - Lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy : Không**

**Tiếng Việt -Lớp: 1**

**Tên bài học: Tập viết (Sau bài 52, 53) Số tiết: 125**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 11 năm 2024**

**1.Yêu cầu cần đạt**

-Viết đúng **um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muỗm -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**2.Đồ dùng dạy học**

**a. Giáo viên:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.

**b. Học sinh**: Vở luyện viết

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  Ổn định: Hát  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học  **2. Hình thành kiến thức mới (30 phút)** |  |
| a)Cả lớp đọc: *um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muôm.*  b)Tập viết: *um, chum, up, búp bê.*  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(búp* bê).  -HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  c)Tập viết: *uôm, buồm, quả muỗm* (như mục b).  HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Hôm nay chúng ta đã luyện viết những vần và từ gì?  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở  -HS thực hiện |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy**: **Không**

**Môn học: Tiếng Việt; Lớp: 1**

**Tên bài:** **ươm ươp Số tiết: 126+127**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt**

* Nhận biết vần **ươm,** vàn **ươp;** đánh vần, đọc đủng tiếng có các vần **ươm, ưop.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ươm,** vần **ưop.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ủ ấm cho bà.*
* Viết đúng các vần **ươm, ươp;** các tiếng **bươm bướm, quả mướp** (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

**GV:** Máy chiếu**,** 2 bộ đồ chơi để 2 nhóm thi giúp thỏ chuyển cà rốt về kho.

**HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Tiết 1** | |
| **1.Khởi động: (3 phút)**  -Ổn định: Hát  -Giới thiệu bài:GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)** |  |
| **\*Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * 1. Dạy vần **ươm** * HS nhận biết: **ươ - mờ - ươm.** * Phân tích: vần **ươm** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **m** đứng sau. * Đánh vần: **ươ - mờ - ươm / ươm.** * HS nói: *bươm bướm / bướm.* Phân tích tiếng **bướm.** * Đánh vần: bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bướm. * Đánh vần, đọc trơn: ươ - mờ - ươm / bờ - ươm - bươm / bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bươm bướm.   1. Dạy vần **ươp** (như vần **ươm)**   Đánh vần, đọc trơn: ươ - pờ - ươp / mờ - ươp - mươp - sắc - mướp / quả mướp.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ươm, ươp,** 2 tiếng mới học: **bướm, mướp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **3. Luyện tập thực hành (20 phút)** |  |
| **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng)   * GV nêu YC: Giúp thỏ chuyển đúng cà rốt về kho vần **ươm,** kho vần **ươp.** * GV chỉ từng củ cà rốt, HS đọc: *lượm, cườm,...* Giải nghĩa: *cườm* (hạt nhỏ làm bằng thuỷ tinh, đá,... màu sắc đẹp, xâu thành chuỗi để làm đồ trang sức). * HS làm bài trong VBT (dùng bút nối từng củ cà rốt về kho). * GV gắn 2 bộ đồ chơi lên bảng lớp, mời 2 HS thi chuyển nhanh cà rốt về kho, nói kết quả. / (Có thể chiếu lên bảng nội dung BT, 1 HS nói kết quả, GV dùng kĩ thuật vi tính chuyển giúp từng củ cà rốt về kho). / Cả lớp nhắc lại: Tiếng **lượm** có vần **ươm...** Tiếng **ướp** có vần **ươp...**   **3.2. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng vừa học: **ươm, ươp, bướm, mướp.** 2. Viết: **ươm, ươp**   **-** 1 HS đọc, nói cách viết vần **ươm. /** GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ươ** trước, **m**  sau; các con chừ **ư, ơ, m** đều cao 2 li. / Làm tưong tự với vần **ươp.**   * HS viết bảng con: **ươm, ươp** (2 lần).   c) Viết: **bướm, mướp** (như mục b)   * GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý: **bướm - b** cao 5 li, dấu sắc đặt trên **ơ / mướp - m** cao 2 li, **p** 4 li, dấu sắc đặt trên **ơ.** * HS viết bảng con: **bươm bướm,** (quả) **mưóp.** | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS quan sát  -HS viết ở bảng con  -HS quan sát  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **3.3.Tập đọc** (BT 3) (30 phút)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *Ủ ấm cho bà* nói về tình cảm bà cháu. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **gió mùa, tấm nệm, tướp, ôm bà ngủ, thì thầm, bếp lửa, đỏ đượm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu cuối. * Luyện đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân / từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiếu bài đọc   * HS đọc từ ngữ ở mỗi vế câu. / HS làm bài trên VBT. * 1 HS đọc kết quả (GV dùng phấn / kĩ thuật vi tính nối các ý ưên bảng). / Cả lớp đọc: a - 2) *Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm.* / b - 1) *Mi ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.*   -GV: Theo em, khi được cháu ôm, ủ ấm, bà cảm thấy thế nào? (Bà cảm động vì cháu ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương bà).  -GV: Em nghĩ gì về bạn Mi? (Bạn Mi rất yêu thương bà. / Mi rất ngoan, giàu tình cảm. / Mi rất ngoan ngoãn, hiếu thảo, nghĩ ra sáng kiến ủ ấm cho bà). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| **3. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - GV dặn HS về nhà xem trước bài 55 (an, at). |  |

1. **Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO VỚI CHẤM, NÉT, MÀU SẮC**

**Tên bài học: BÀI 6: BÀN TAY KÌ DIỆU (tiết 1) Số tiết: 11**

**Thời gian thực hiện: Ngày 21 tháng 11 năm 2024**

**1.Yêu câu cần đạt**

a**. Phẩm chất**

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.

- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...

* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

**b. Năng lực**

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

*\*. Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết được hình dáng, đặc điểm của bàn tay.

- Biết vận dụng các thể dáng khác nhau của bàn tay để tạo sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí.

- Biết trưng bày, giới thiệu, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động tạo thế dáng bàn tay để thực hành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*\* Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận với bạn, với thầy cô trong học tập.

- Năng lực thể chất: Thông qua sự vận động của bàn tay để tạo thế dáng và thực hành tạo sản phẩm.

**2.Đồ dùng dạy học**

**a.Giáo viên**: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, hình ảnh minh họa nội dung bài học. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

**bHọc sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy, hồ dán, kéo.

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khỏi động ( 3 phút)**   - Tổ chức học sinh hát, kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu của học sinh.  - Cho HS kể một số công việc hằng ngày cần thực hiện bằng bàn tay.  - GV chốt ý từ đó liên hệ giới thiệu nội dung bài học  **2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 2: Quan sát, nhận biết**  Tổ chức học sinh quan sát hình ảnh minh họa mục Quan sát, nhận biết ở trang 28, 29 SGK  - Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và thảo luận  + Nêu được tên con vật.  + Mô tả và thực hiện cách tạo hình bàn tay để biểu đạt con vật (hình dạng hoặc một phần của con vật).  - Gọi đại diện các nhóm HS trình bày. Gợi mở, hướng dẫn HS tạo hình bàn tay ở các thế dáng khác nhau như: nằm ngang, thẳng đứng, nghiêng,...Có thể dùng tay xoay trên không hoặc đặt trên bàn.  - *Lưu ý:* GV có thể sử dụng đèn pin để tạo bóng của bàn tay.  - Tổng kết nội dung quan sát, nhận biết; gợi mở nội dung thực hành sáng tạo.  **Hoạt động 3:** **Thực hành, sáng tạo**  3.1. Tìm hiểu cách tạo hình từ bàn tay  - Hướng dẫn HS quan sát hình minh họa trang 29, 30 SGK và hình ảnh minh hoa do GV chuẩn bị. Đặt câu hỏi, nêu vấn đề giúp HS nhận ra thứ tự các bước tạo hình một số con vật từ bàn tay.  - GV thị phạm minh họa, giảng giải và phân tích các thao tác, kết hợp tương tác với HS.  + Tạo hình con ốc sên:  Bước 1: Tạo thế dáng bàn tay: Nắm nhẹ bàn tay và đặt trên trang giấy.  Bước 2: Dùng bút chì (hoặc bút màu) vẽ nét hình bàn tay trên trang giấy.  Bước 3: Nâng bàn tay khỏi giấy và vẽ thêm nét xoắn ốc làm rõ hình con ốc sên.  Bước 4: Vẽ màu theo ý thích cho hình con ốc sên và cắt khỏi trang giấy, sản phẩm đã hoàn thành.  + Tạo hình con cá, con hươu cao cổ: GV có thể tiếp tục thị phạm hoặc gợi mở HS các bước minh họa trong SGK.  - Gợi nhắc HS: Có nhiều cách tạo con vật từ các thế dáng bàn tay của mình.  3.2. Tổ chức HS thực hành  - Bố trí HS ngồi theo nhóm (6 HS)  - Giao nhiệm vụ cho HS: Tạo hình thế dáng bàn tay của mình. Vận dụng các bước thực hành để tạo con vật yêu thích bằng các chấm, nét, màu sắc.  - Lưu ý HS: Lựa chọn vị trí tạo hình dáng con vật phù hợp với khổ giấy/ vở bài tập. Có thể vẽ thêm chi tiết, hình ảnh như Mặt Trời, mây, sông nước, cây,..ở xung quanh con vật, tạo chủ đề bức tranh theo ý thích. Có thể tạo kết hợp nhiều hình bàn tay trên khổ giấy, tạo bức tranh bàn tay của riêng mình.  - Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành  - Gợi mở nội dung HS trao đổi/ thảo luận trong thực hành.  **Hoạt động 4: Cảm nhận, chia sẻ**  - Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm.  - Gợi mở HS giới thiệu:  + Tên con vật đã tạo được từ tạo hình thế dáng bàn tay.  + Em đã làm thế nào để tạo sản phẩm của mình?  - Chia sẻ, cảm nhận về sản phẩm.  **3.Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.  - Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - Hát tập thể. Để đồ dùng lên bàn giáo viên kiểm tra.  - HS thi nhau kể.  - Lắng nghe, nhắc đề bài.  - Thảo luận nhóm theo các nội dung giáo viên hướng dẫn.  - Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, quan sát.  - Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Quan sát. Tham gia tương tác cùng GV.  - Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS  - Tạo sản phẩm cá nhân.  - Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.  - Trưng bày sản phẩm theo nhóm.  - Giới thiệu sản phẩm của mình.  - Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/ của bạn.  - Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**4.Điều chỉnh sau bài dạy : Không**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiếng Việt- Lớp 1** | |  |
| **Tên bài** | **an at** | **Số tiết: 128+129** |
| **Thời gian thực hiện : ngày 22 tháng 11 năm 2024** | | |

**1. Yêu cầu cần đạt**

-Nhận biết van **an, at;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **an, at.**

-Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **an,** vần **at.**

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Giàn mướp.*

-Viết đúng các vần **an, at;** các tiếng **bàn,** (nhà) **hát** (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

- GV: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ .

- HS: *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  Trò chơi Ai nhanh hơn  -Chia lớp thành 3 đội theo 3 dãy bàn, lần lượt mỗi đội nối tiếp đọc các tiếng có vần ươp trong thời gian 1 phút. Đội nào tìm được đúng và nhiều hơn đội đó thắng cuộc.  -GV tổ chức cho các đội chơi.  -GV hướng dẫn cho hs nhận xét và kết luận đội thắng cuộc.  **2.Hình thành kiến thức mới (10 phút)** | - Từng đội thực hiện.  - Cả lớp cùng kiểm tra và đếm số lượng tiếng đúng.  - HS nhận xét. |
| **2.1.Giới thiệu bài:** vần **an, at.** |  |
| **2.2.Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  a.Dạy vần **an**   * HS đọc: **a, n,** vần **an.** * Phân tích vần **an.** * Đánh vần: **a - nờ - an / an.** * HS nói: *bàn.* * Phân tích tiếng **bàn. /** * Đánh vần: bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn. * Đánh vần, đọc trơn: a - nờ - an / bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn.   b.Dạy van **at** (như vần **an)**  Đánh vần, đọc trơn: a - tờ - at / hờ - at - hat - sắc - hát / nhà hát.  \* Củng cổ: HS nói 2 vần mới học: **an, at,** 2 tiếng mới học: **bàn, hát.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **3. Luyện tập thực hành (20 phút)** |  |
| **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần an? Tiếng nào có vần at?)  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc tên từng sự vật: nhãn, thợ hàn, bát, hạt đỗ,...  - HS làm bài nhóm đôi, tìm tiếng có vần an, vần at. / 2 HS cùng báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng nhãn có vần an... Tiếng bát có vần at,...  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần an (bán, đan, sàn, trán,...); vần at (cát, mát, ngát, nhạt,...).  **3.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: an, at, bàn, nhà hát.  b) Tập viết vần an, at  - 1 HS đọc, nói cách viết vần an, at.  - GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn: vần an: viết a nối sang n, độ cao các chữ đều 2  li. / Vần at: viết a nối sang t, chữ t cao 3 li.  - HS viết bảng con: an, at (2 - 3 lần).  c) Tập viết: bàn, (nhà) hát (như mục b). Chú ý: bàn - chữ b cao 5 li, dấu huyền đặt trên a / hát - chữ h cao 5 li, t cao 3 li, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết bảng con: bàn, (nhà) hát.  -GV cùng Hs nhận xét | -HS đọc  -HS làm bài, báo cáo kết quả  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3) (30 phút)   1. GV giới thiệu bài Tập đọc viết về giàn mướp nhà bạn Hà. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **giàn mướp, thơm ngát, lắm hôm, đếm nụ, khe khẽ hát, tụ họp, sớm ra quả.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có 4 câu. GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). * Đọc tiếp nối từng câu (vài lần). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu: *Giàn mướp nhà Hà /vừa ra nụ đã thơm ngát. // Có lẽ nhờ thế /mà mùa hè năm đó, /giàn mướp sớm ra quả.*  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; cả lớp đọc từng ý. * HS làm bài trong VBT, đánh dấu V vào ô trống xác định ý đúng, ý sai. * 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS đánh dấu xác định ý đúng / sai trên bảng lớp, chốt đáp án. Cả lớp đọc: Ý a *(Giàn mướp thơm ngát) -* Đúng. / Ý b *(Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe) -* Đúng. / Ý c *(Năm đó, giàn mướp chậm ra quả) -* Sai.   \* HS đọc lại 2 trang bài 55, đọc cả 7 vần vừa học trong tuần (chân trang 102). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thực hiện  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| **4.Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Hôm nay học được vần gì?  - Tiếng nào có vần vừa học?  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà đọc bài chuẩn bị bài sau:Ôn tập | -HS trả lời  -HS lắng nghe |

**4.** **Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn: Toán-Lớp 1**  **TÊN BÀI: LUYỆN TẬP Số tiết: 33**  **Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 11 năm 2024**  **1.Yêu cầu cần đạt:**  - Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.  - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  - Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.  **2. Đồ dùng dạy học:**  a. GV:Các que tính và các chấm tròn, phiếu học tập  Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.  b.HS: bảng con, vở bài tâp. một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.  **3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | | **1.Hoạt động khởi động: 5 phút**  + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6. |  | | - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. | + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì? | | **2.** **Hình thành kiến thức mới : 22 phút**  **HĐ1:** Luyện tập, thực hành  **Bài 1**  - Cho HS làm bài 1: |  | | + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. | - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. | | + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? |  | | -GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhẩm cho cả lớp nghe. |  | | **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). | -HS làm phiếu học tập | | ***Lưu ý:*** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chi chú ý đến kết quả của phép tính. |  | | **Bài 3**  - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ổ có ghi số chỉ kết quả tương ứng. | -Thảo luận với bạn về chọn ổ có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. | | ***Lưu ý:*** Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |  | | **Bài 4**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lóp. | | *Vi dụ:* a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ 6 - 3 = 3. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.  Vậy phép tính thích hợp là 6 - 3 = 3. | -HS làm tương tự với trường hợp b). | | GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |  | | **3. Vận dụng:5 phút**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | HS chia sẻ | | **4. Củng cố và nối tiếp: 3 phút**  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | Lắng nghe |   **4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**  **Tự nhiên và xã hội – Lớp 1**  **Tên bài học :**  **THỰC HÀNH: QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG** **( Tiết 1) - Số tiết : 22**  **Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 11 năm 2024**  **1. Yêu cầu cần đạt**  **a. Năng lực đặc thù**  **\* Về nhận thức khoa học:**  - Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .  **\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**  -Biết cách quan sát , ghi chép và trình bày kết quả quan sát ,  **\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**  - Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường.  **b. Năng lực chung:**  - Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động.  - Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.  **c. Phẩm chất:**  - Nhân ái: Biết yêu thiên nhiênvà yêu thương, quý trọng mọi người xung quanh.  - Chăm chỉ: tích cực tham gia các hoạt động trong tiết học.  - Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một các trung thực.  - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường sống xun quanh.  **2. Đồ dùng dạy học:**  **a. Giáo viên**  - Các Phiếu quan sát ( theo SGK ) .  - Giấy A0 , giấy màu , bút màu , băng keo , kéo .  - VBT Tự nhiên và Xã hội 1  **b. Học sinh**  - SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1.  **3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**  **TIẾT 1**  **Chuẩn bị khi đi quan sát**     |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | | **1. Khởi động (3 phút)** |  | | - Ổn định:  - Giới thiệu bài: Bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về quang cảnh và con người ở nơi em sống . Bài học hôm nay , chúng ta cùng nhau đi quan sát cuộc sống của người dân ở xung quanh trường chúng ta | - Hát  ­- Lắng nghe | | **2. Hình thành kiến thức mới (30 phút)** |  | | **KHÁM PHÁ** |  | | ***Hoạt động 1 : Tìm hiểu về những việc cần làm trước khi đi quan sát***  \* Mục tiêu  Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .  Biết cách sử dụng Phiếu quan sát . | | | *\* Cách tiến hành:* |  | | *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - Yêu cầu HS quan sát hình trang 50 và trả lời câu hỏi trong SGK :  + Khi đi quan sát , các bạn trong hình mang theo những gì và trang phục như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .  *Bước 3 : Làm việc theo nhóm nhỏ ( 3 – 4 HS )*  - GV HD HS .  - GV nhắc nhở HS không được ai tách khỏi nhóm trong quá trình tham quan | - HS quan sát  - HS chia sẻ thống nhất ý kiến, trả lời câu hỏi  - Đại diện trình bày kết quả  - HS nhận xét  -HS đọc phiếu quan sát , trao đổi về cách đánh dấu vào phiếu  -Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người | | **3. Củng cố và nối tiếp . ( 2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Dặn HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị tiết sau. | - Lắng nghe |   **4.Điều chỉnh sau bài dạy: Không**  **Tiếng Việt -Lớp: 1**  **Tên bài học: Sau bài 54, 55 Số tiết: 130**  **Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 11 năm 202****4**  **1. Yêu cầu cần đạt**  Viết đúng **ươm, ươp, an, at, bươm bướm, quả mướp, bàn, nhà hát -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.  **2. Đồ dùng dạy học**  a. Giáo viên: Bảng phụ có dòng ô li viết vần, tiếng cần viết.  b.Học sinh: Vở luyện viết  **3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **1.Khởi động (3 phút)**  Ổn định: Hát  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2.Hình thành kiến thức mới (30 phút)** |  | | Hoạt động luyện tập  a) Cả lớp đọc: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp, an, bàn, at, nhà hát.  b) Tập viết: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp.  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa nhắc lại cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách noi nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh (bướm, mướp).  - HS viết trong vở Luyện viết 1, tập một.  c) Tập viết: un, bàn, at, nhà hát (như mục b). HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.  -GV cùng Hs nhận xét | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở  -HS thực hiện | | **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  **-** Hôm nay chúng ta đã viết vần và từ nào?  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành |  |   **4.Điều chỉnh sau bài dạy**: **Không**  **Tiếng Việt- Lớp 1** | |  |
| **Tên bài:** | **KỂ CHUYỆN: SÓI VÀ SÓC Số tiết: 131** |  |
| **Thời gian thực hiện : ngày 23 tháng 11 năm 2024** | | |

1. Yêu cầu cần đạt

- Nghe hiểu câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ngợi sóc trong lúc nguy hiểm vẫn biết cách thoát khỏi nanh vuốt của sói. Câu chuyện nói một điều: Lòng tốt làm con người vui vẻ; sự độc ác không mang lại hạnh phúc, niềm vui.

**2. Đồ dùng dạy học**

- GV: Tranh minh họa câu chuyện

- HS: Sách giáo khoa

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động: (5 phút)**  **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**  **1.1.Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Sói và sóc.* Các em hãy xem tranh, đoán xem sói và sóc đang làm gì?  **1.2.Giới thiệu câu chuyện:** Một chú sóc đang chuyền cành thì sẩy chân rơi trúng đầu con sói đang nằm dưới gốc cây. Việc gì sẽ xảy ra sau đó, câu chuyện diễn biến thế nào, các em hãy lắng nghe. | | -HS lắng nghe  -Sói bắt sóc. / Sóc thoát khỏi sói  -HS lắng nghe |
| **2.Hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **Khám phá và luyện tập**  **2.1. Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần**  với giọng diễn cảm. | | -HS lắng nghe |
| **2.2.Trả lời câu hỏi theo tranh**  a.Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  -GV chỉ tranh 1, hỏi: *Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?*  -GV chỉ tranh 2: *Sói định làm gì sóc? Sóc van nài thế nào?*  -GV chỉ tranh 3: *Sói hỏi sóc điều gì? Sóc nói gì?*  -GV chỉ tranh 4: *Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?*  b.Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của GV theo 2 tranh.  -1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 4 tranh.  **2.3.Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)   1. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 2. 1 - 2 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   **2.4**.**Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  -GV: Em nhận xét gì về sóc?  -GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? | | -Sóc sẩy chân, rơi trúng đầu lão sói đang nằm dưới gốc cây, ngái ngủ.  -Sói định ăn thịt sóc. Sóc van nài xin thả nó ra.  -Sói hỏi: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán? Sóc đáp: Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.  - Sóc nói: Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.  -HS theo tranh trả lời câu hỏi  - Hs kể theo tranh  -Sóc rất thông minh, gặp tình huống nguy hiểm vẫn biết cách thoát thận. / Sóc tốt bụng, đáng yêu. / Sóc tốt bụng nên luôn vui vẻ.  - Lòng tốt làm con người vui vẻ, hạnh phúc. Sự độc ác không mang lại niềm vui, hạnh phúc. |
| **3.Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân câu chuyện về chú sóc thông minh.  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Sư tử và chuột nhắt. (Báo cho 3 HS giỏi được  chọn kể phân vai câu chuyện Sư tử và chuột nhắt để các em có sự chuẩn bị). |  | |

**4.** **Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiếng Việt- Lớp 1** | |  |
| **Bài 57:** | **ÔN TẬP** | **Số tiết : 132** |
| **Thời gian thực hiện : ngày 23 tháng 11 năm 2024** | | |

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Tóm cổ kẻ trộm.*

- Tìm đúng từ ngữ thích hợp với chỗ trống; chép đúng 1 câu văn.

**2. Đồ dùng dạy học**

- GV: Sách giáo khoa, tranh ảnh minh họa nội dung bài tập.

- HS: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một, sách giáo khoa, vở Luyện viết 1, tập một.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động: 3 phút**  - Tổ chức cho HS hát, múa vận động tập thể  **2. Hình thành kiến thức mới: 27 phút**  **2.1. Giới thiệu bài** | - HS tham gia  -HS lắng nghe |
| **2.Luyện tập** |  |
| **2.1. Tập đọc** (BT 1)  a/GV chỉ tranh, giới thiệu bài *Tóm cổ kẻ trộm* kể về chiến công của thám tử gà cồ đã bắt được quạ - kẻ trộm gà.  b/GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *gà mơ* (gà mái, lông có những chấm trắng); *than* (than thở, phàn nàn, kêu ca); *thám tử* (người làm việc điều tra, do thám).  c/Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp); **kẻ trộm, ghé xóm gà, ngờ ngợ, la om sòm, thám tử gà cồ, tóm cổ, ùa ra.**  d/Luyện đọc câu  -GV: Bài đọc gồm 9 câu. / GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). Chỉ liền 2 câu: *Sớm ra, gà tía... Có trộm!*  -Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  e/Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.  g/ Tìm hiểu bài đọc  -Xác định YC: *Nhắc lại tên các con vật...*  -Từng cặp HS nhìn hình trong SGK, nói tên các con vật. /1 HS nói kết quả.  -Cả lớp nhắc lại: 1) M: gà cồ, 2) quạ, 3) gà tía, 4) gà nhí, 5) gà mơ.  **2.2.BT 2** (Tìm từ ngữ hợp với chỗ trống rồi chép lại câu b)  a) Tìm từ ngữ để hoàn thành câu  - Xác định YC.  - HS làm bài miệng : GV gắn lên bảng phiếu ghi câu văn. /1 HS nói kết quả.  - Cả lớp đọc lại: a) Quạ kiếm cớ la cà để *tha* gà nhí, b) Thám tử gà cồ *tóm cổ* quạ. / Cả lớp sửa bài (nếu sai).  b) Tập chép câu b *(Thám tử gà cồ tóm cổ quạ).*  - GV viết mẫu trên bảng câu văn.  - Cả lớp đọc câu văn, chú ý các từ dễ viết sai *(thám tử, tóm).*  - HS nhìn mẫu trên bảng , chép lại câu văn.  - HS viết xong, tự soát lỗi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS nói tên các con vật  -HS đọc  - HS lắng nghe  - HS nêu miệng  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS tập chép  - HS soát lỗi |
| **3.Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  -Về nhà đọc lại bài, chuẩn bị bài sau  - Nhận xét tiết học | - HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Hoạt động trải nghiệm –Lớp 1**

**Tên bài: SINH HOẠT LỚP**

**SÁNG TẠO THEO CHỦ ĐỀ “THẦY CÔ CỦA EM” Số tiết : 33**

**Thời gian thực hiện ngày 23 tháng 11 năm 2024**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, biết được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Sáng tạo được một sản phẩm cụ thể như: làm bưu thiếp, vẽ tranh, viết lời hay ý đẹp tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

- Hình thành niềm đam mê sáng tạo.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**3.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Ổn định: 1 phút**  **Hát**  **2. Các bước sinh hoạt: 18 phút**  ***2.1. Nhận xét trong tuần 11***  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Học tập chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 12***  - Thực hiện dạy tuần 12, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Thầy cô của em.***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ về các ý tưởng sáng tạo một sản phẩm ý nghĩa để tặng thầy cô theo gợi ý:  +Em sẽ làm món quà gì để tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 -11?  +Ý nghĩa của món quà đó là gì?  - GV tổ chức cho HS sử dụng các đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị để làm sản phẩm yêu thích tặng thầy cô.  - Giới thiệu sản phẩm em đã làm với các bạn trong lớp.)  **3. Củng cố và nối tiếp: 1 phút**  - Nhận xét tiết học | -Cả lớp hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS lắng nghe. Chuẩn bị ý tưởng của mình.  - Thực hiện làm sản phẩm của mình.  - HS lên giới thiệu sản phẩm của mình. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Tâm lí học đường; Lớp: 1**

**Tên bài:** **CHỦ ĐỀ 3 : KHÔNG MUỐN ĐI HỌC**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 11 năm 2024**

**1. Yêu cầu cần đạt**

Giúp học sinh:

* Nhận biết biểu hiện, hành vi, việc làm, tâm trạng và cảm xúc khi đi học.
* Biết cách ứng xử đúng khi đi học.
* Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

**2. Đồ dùng dạy học**

GV: Sách thực hành tâm lí học đường lớp 1, tranh trong SGK

HS: Sách thực hành tâm lí học đường lớp 1

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Khởi động: 1 phút**   Ổn định lớp  **2. Bài mới: 13 phút**  Giới thiệu bài: ***Bài 3– Không muốn đi học.***  - GV nêu mục tiêu của tiết học:  ***Hoạt động 1: Quan sát hình minh họa trong SGK.***  ***-***Hãy quan sát hình minh họa và mô tả biểu hiện không muốn đi học. (tranh SGK trang 16)  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời  - GV nhận xét chốt nội dung.  Tranh 1: lo lắng khi nghĩ đến việc đi học  Tranh 2: Không muốn dậy đi học  Tranh 3: Trốn trong phòng không muốn đi học  Tranh 4: Lấy lí do để được thầy cô cho về sớm  **Gv chốt: Đó là những hành vi không đúng và không nên làm để nghỉ học.**  ***Hoạt động 2: Nhận biết***  + **Hãy quan sát hình minh họa SGK trang 17 và trao đổi với bạn về những lí do các bạn trong hình không muốn đi học.**  Đại diện nhóm trình bày HS – GV nhận xét bổ sung  **Gv chốt: Có rất nhiều lí do dẫn đến việc không muốn đi học.**  **Hoạt đông 3: Ứng xử**  -Mô tả những điều cần làm khi đi học (tranh SGK trang 18,19)  - GV nhận xét  **Hoạt đông 4: Trải nghiệm**  - Hoạt động cá nhân  -Đánh dấu tích vào các hình mô tả những việc cần làm quen khi em là học sinh lớp 1 SGK trang 20  -GV chốt nội dung.  Nhắc HS vận dụng vào cuộc sống hàng ngày  **3. Củng cố và nối tiếp: 1 phút**  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | -HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi              - HS thảo luận theo nhóm 4  - Đại diện 1-2 nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét bổ sung.        - HS thực hiện      -Hoạt động cá nhân  -Lần lượt các em nêu ý kiến của mình      - HS nêu các việc em đã làm khi đi học |